

Số: 3116/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 15 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động về việc thúc đẩy, tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Căn cứ Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục Dữ liệu chủ chuyên ngành, Dữ liệu dùng chung và Dữ liệu mở tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 2645/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Tờ diễn dữ liệu tỉnh Phú Thọ (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Kế hoạch số 07-KH/BCĐ ngày 03/8/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Chiến dịch 90 ngày xây dựng, hoàn thiện Kho dữ liệu tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Công an tỉnh tại Tờ trình số 7972/TTr-CAT-PC06 ngày 10 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục cơ sở dữ liệu tỉnh Phú Thọ (*Chi tiết danh mục tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công an tỉnh:

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu trong Danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh rà soát, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, đáp ứng các điều kiện tích hợp với Kho dữ liệu tỉnh.

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tổ chức xây dựng, thu thập, cập nhật, chuẩn hóa thường xuyên, liên tục dữ liệu theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân và dữ liệu nhạy cảm theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì triển khai xây dựng Kho dữ liệu của tỉnh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh tổ chức triển khai, kết nối, tích hợp và đồng bộ các cơ sở dữ liệu thuộc danh mục về Kho dữ liệu của tỉnh.

- Hướng dẫn, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình cập nhật, bổ sung dữ liệu vào Kho dữ liệu của tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu trong Danh mục cơ sở dữ liệu:

- Căn cứ danh mục được ban hành, tổ chức xây dựng, thu thập, cập nhật, chuẩn hóa thường xuyên, liên tục dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; rà soát, đề xuất bổ sung các dữ liệu dùng chung, dữ liệu chuyên ngành ngoài Danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh (qua Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ) để kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện kết nối chia sẻ dữ liệu qua API hoặc phương thức kết nối phù hợp về Kho dữ liệu tỉnh.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin phục vụ kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Kho dữ liệu của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 05/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Phú Thọ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC
Danh mục cơ sở dữ liệu tỉnh Phú Thọ
(Kèm theo Quyết định số: 3116/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
1	CSDL Học sinh, Học viên (Cơ sở dữ liệu Người học)	Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thông tin định danh cá nhân (Số định danh/CCCD, họ tên, ngày sinh, nơi ở); thông tin học tập, lớp học, học bạ số, kết quả rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật, trạng thái đi học (chuyển trường, bỏ học, tốt nghiệp).	Thường xuyên /Theo kỳ học/Theo năm học	Chia sẻ qua kết nối API/Chia sẻ có điều kiện/Tích hợp Kho dữ liệu dùng chung (IOC) của tỉnh
2	CSDL Cán bộ, Giáo viên, Nhân viên (Cơ sở dữ liệu Đội ngũ)	Quản lý Nhà giáo và Nhân sự	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thông tin định danh (CCCD, họ tên, SĐT, email công vụ); chức vụ, vị trí công tác; trình độ chuyên môn, chứng chỉ, môn học giảng dạy, quá trình công tác, hợp đồng lao động.	Định kỳ/ Ngay khi có thay đổi biến động nhân sự	Chia sẻ qua kết nối API/Chia sẻ có điều kiện
3	CSDL Trường học và Mạng lưới giáo dục (Cơ sở dữ liệu cơ sở giáo dục)	Quản lý Cơ sở giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thông tin định danh trường học (Tên trường, mã trường MOET, mã định danh QĐ20); địa chỉ, cấp học, loại hình trường (công lập, tư thục); thông tin Hiệu trưởng, SĐT, email, website.	Định kỳ hằng năm/Ngay khi có thay đổi thông tin nhà trường	Chia sẻ rộng rãi/Dùng chung toàn tỉnh
4	CSDL Cơ sở vật chất và Thiết bị dạy học	Quản lý Tài sản và Cơ sở vật chất	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thông tin số lượng phòng học (kiên cố, bán kiên cố), phòng chức năng, phòng máy tính, kết nối Internet; trang thiết bị dạy	Định kỳ 02 lần/năm học (Đầu năm và Cuối năm	Chia sẻ có điều kiện (Phục vụ quy hoạch, đầu tư công)

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				học tối thiểu, công trình vệ sinh, nước sạch, nhà thể chất.	học)	
5	CSDL Cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Phú Thọ	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ	- Thông tin cá nhân - Vị trí việc làm, cơ quan/đơn vị công tác - Chức vụ, chức danh; ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức - Trình độ; quá trình công tác; đào tạo, bồi dưỡng - Tiền lương và các thông tin khác theo quy định	Khi phát sinh/thay đổi	Nội bộ; chia sẻ theo phân quyền
6	CSDL Tài liệu lưu trữ của địa phương	Văn thư, lưu trữ	Sở Nội vụ	- Thông tin phong lưu trữ - Hồ sơ, tài liệu; mục lục hồ sơ - Tài liệu số hóa - Thông tin mô tả, thời hạn bảo quản, tình trạng tài liệu và thông tin quản lý khác	Khi phát sinh/tiếp nhận, cập nhật tài liệu	Chia sẻ theo quy định của pháp luật về lưu trữ
7	CSDL Thi đua, khen thưởng	Thi đua, khen thưởng	Sở Nội vụ	- Thông tin tập thể, cá nhân - Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng - Hồ sơ khen thưởng gồm tờ trình, quyết định khen thưởng - Các thông tin quản lý khác theo quy định	Khi phát sinh hồ sơ/quyết định	Chia sẻ theo quy định; công khai một phần
8	CSDL Tổ chức, bộ máy	Tổ chức, biên chế	Sở Nội vụ	- Thông tin tổ chức, bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	Khi có thay đổi	Chia sẻ theo phân quyền; công khai một

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Vị trí việc làm; biên chế công chức; số lượng người làm việc - Tình gián biên chế; số lượng cấp phó - Thông tin quản lý khác		phần
9	CSDL Chính quyền địa phương và địa giới hành chính	Chính quyền địa phương	Sở Nội vụ	- Số lượng, cơ cấu đại biểu HĐND các cấp - Thành viên UBND, lãnh đạo chính quyền địa phương - Thôn, tổ dân phố - Địa giới hành chính các cấp - Thông tin quản lý khác	Khi có thay đổi	Chia sẻ theo quy định; công khai một phần
10	CSDL Quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	- Thông tin đánh giá chất lượng bồi dưỡng - Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng - Kết quả đào tạo, bồi dưỡng - Thông tin quản lý khác	Sau mỗi lớp/khóa hoặc khi phát sinh	Nội bộ; chia sẻ theo phân quyền
11	CSDL Nhân tài Việt Nam	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ	- Thông tin cơ bản của đối tượng - Thành tích học tập, công tác; học vị, học hàm - Năng lực nổi trội, kết quả thực hiện nhiệm vụ - Trình độ, kinh nghiệm thực tiễn và thông tin quản lý khác	Khi phát sinh/thay đổi theo yêu cầu, phân quyền	Nội bộ; chia sẻ theo phân quyền

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
12	CSDL hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ	Hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ	Sở Nội vụ	- Thông tin hồ sơ thành lập, tổ chức và hoạt động - Thông tin nhân sự - Tài sản, tài chính - Thông tin quản lý nhà nước và thông tin liên quan khác	Khi phát sinh thủ tục/thay đổi	Chia sẻ theo quy định; công khai một phần
13	CSDL người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Lao động, việc làm	Sở Nội vụ	- Thông tin cơ bản của người lao động nước ngoài - Giấy phép lao động; xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép - Thông tin người sử dụng lao động - Thông tin việc làm và thông tin quản lý khác	Khi phát sinh hồ sơ/có thay đổi	Nội bộ; chia sẻ theo phân quyền
14	CSDL giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Việc làm, bảo hiểm thất nghiệp	Sở Nội vụ	- Thông tin cơ bản của người lao động - Thông tin hưởng bảo hiểm thất nghiệp - Thông tin tiếp nhận, giải quyết hồ sơ - Thông tin quản lý khác	Hàng ngày/khi phát sinh hồ sơ	Nội bộ; chia sẻ theo phân quyền
15	CSDL liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ	Người có công	Sở Nội vụ	- Thông tin liệt sĩ - Thông tin thân nhân liệt sĩ - Thông tin mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ - Thông tin quản lý khác	Khi phát sinh/thay đổi, số hóa hồ sơ	Công khai một phần; còn lại theo phân quyền
16	CSDL người hưởng chính sách ưu đãi người có	Người có công	Sở Nội vụ	- Thông tin cơ bản của người có công	Khi phát sinh/thay đổi	Nội bộ; chia sẻ theo phân quyền

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
	công			- Thông tin hồ sơ người có công - Thông tin thực hiện chính sách, tình hình chi trả trợ cấp - Thông tin quản lý khác		
17	CSDL về đoàn ra	Quản lý hoạt động đối ngoại	Sở Ngoại vụ	Tên đoàn; cơ quan chủ trì; trưởng đoàn, thành viên; quốc gia/vùng lãnh thổ đến; mục đích, nội dung; thời gian; chương trình; nguồn kinh phí; văn bản cho phép; kết quả chuyển công tác và các thông tin liên quan thuộc phạm vi quản lý	Khi phát sinh/thay đổi	Có điều kiện
18	CSDL về đoàn vào	Quản lý hoạt động đối ngoại	Sở Ngoại vụ	Tên đoàn; quốc gia/vùng lãnh thổ; cơ quan, tổ chức; trưởng đoàn, thành phần; mục đích, nội dung; thời gian, địa điểm; chương trình làm việc; cơ quan chủ trì đón tiếp; văn bản cho phép/chủ trương; kết quả hoạt động	Khi phát sinh/thay đổi	Có điều kiện
19	CSDL về người nước ngoài đến làm việc tại tỉnh	Lãnh sự và Di cư quốc tế	Sở Ngoại vụ	Họ tên; quốc tịch; thông tin giấy tờ xuất nhập cảnh cần thiết theo hồ sơ; cơ quan, tổ chức đề nghị; mục đích; địa điểm, thời gian làm việc; văn bản chấp thuận; kết quả xử lý hồ sơ thuộc phạm vi theo dõi, tham mưu của Sở	Khi phát sinh/thay đổi	Có điều kiện
20	CSDL về cán bộ, công	Quản lý hoạt	Sở Ngoại vụ	Họ tên; cơ quan, đơn vị; chức	Khi phát	Nội bộ/Có điều

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
	chức, viên chức đi nước ngoài	động đối ngoại		vụ; quốc gia/vùng lãnh thổ đến; mục đích; thời gian; nguồn kinh phí; văn bản cho phép và các thông tin liên quan thuộc phạm vi theo dõi, tổng hợp của Sở	sinh/thay đổi	kiện
21	CSDL về hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và công hàm đề nghị cấp thị thực	Lãnh sự và Di cư quốc tế	Sở Ngoại vụ	Thông tin người đề nghị; cơ quan, đơn vị; chức vụ; loại hộ chiếu; thông tin hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, hủy giá trị hộ chiếu; công hàm đề nghị cấp thị thực; tình trạng và kết quả xử lý hồ sơ	Khi phát sinh/thay đổi	Nội bộ/Có điều kiện
22	CSDL về hội nghị, hội thảo quốc tế	Quản lý hoạt động đối ngoại	Sở Ngoại vụ	Tên hội nghị, hội thảo; cơ quan, đơn vị tổ chức; đối tác nước ngoài; nội dung; thời gian, địa điểm; thành phần; nguồn kinh phí; văn bản cho phép; tình hình và kết quả tổ chức	Khi phát sinh/thay đổi	Có điều kiện
23	CSDL về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế	Hợp tác quốc tế (Thỏa thuận quốc tế)	Sở Ngoại vụ	Tên thỏa thuận; cơ quan/bên ký kết của tỉnh; đối tác nước ngoài; quốc gia/vùng lãnh thổ; lĩnh vực hợp tác; ngày ký; thời hạn hiệu lực; cơ quan đầu mối thực hiện; tình trạng và kết quả thực hiện	Khi phát sinh/thay đổi	Có điều kiện
24	CSDL về quan hệ hợp tác và đối tác nước ngoài của tỉnh	Hợp tác quốc tế	Sở Ngoại vụ	Quốc gia, địa phương, cơ quan, tổ chức/đối tác nước ngoài; thông tin đầu mối; lĩnh vực hợp tác; quá trình thiết lập quan hệ;	Khi phát sinh/thay đổi	Có điều kiện

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				văn kiện hợp tác; hoạt động đã triển khai; tình hình và kết quả hợp tác		
25	CSDL về tổ chức phi chính phủ nước ngoài	Phi chính phủ nước ngoài	Sở Ngoại vụ	Tên tổ chức; quốc gia; thông tin đăng ký hoạt động; địa bàn, lĩnh vực hoạt động; đầu mối liên hệ; chương trình, dự án, phi dự án; thời gian hoạt động; tình hình và kết quả hoạt động trên địa bàn tỉnh	Khi phát sinh/thay đổi	Có điều kiện
26	CSDL về viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Phi chính phủ nước ngoài	Sở Ngoại vụ	Tên chương trình, dự án/khoản viện trợ; bên cung cấp viện trợ; cơ quan chủ khoản viện trợ/đơn vị tiếp nhận; mục tiêu; lĩnh vực; địa bàn; giá trị viện trợ; thời gian thực hiện; tình hình và kết quả thực hiện thuộc phạm vi theo dõi của Sở	Khi phát sinh/thay đổi	Có điều kiện
27	CSDL về người Phú Thọ ở nước ngoài	Công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Sở Ngoại vụ	Thông tin tổng hợp về người Phú Thọ ở nước ngoài; quốc gia/vùng lãnh thổ cư trú; nhóm đối tượng, lĩnh vực hoạt động; thông tin hội, đoàn; chuyên gia, trí thức, doanh nhân; hoạt động kết nối và đóng góp cho tỉnh	Khi phát sinh và định kỳ	Có điều kiện
28	CSDL về ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại	Ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại	Sở Ngoại vụ	Chương trình, kế hoạch, sự kiện; hoạt động quảng bá hình ảnh địa phương; nội dung, sản phẩm, ấn phẩm thông tin đối ngoại; đối	Khi phát sinh và định kỳ	Có điều kiện

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				tác; quốc gia/địa bàn triển khai; tình hình và kết quả thực hiện		
29	CSDL số liệu doanh nghiệp	Thuế	Thuế tỉnh	- Số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong tháng, lũy kế đến thời điểm báo cáo; - Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm báo cáo; - Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh tại thời điểm báo cáo; - Số lượng doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động kinh doanh trong tháng, lũy kế đến thời điểm báo cáo; - Số lượng doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trong tháng, lũy kế đến thời điểm báo cáo.	Hàng tháng	Nội bộ
30	CSDL số thu Ngân sách nhà nước	Thuế	Thuế tỉnh	Tổng thu nội địa trong năm lũy kế đến thời điểm báo cáo (so sánh với dự toán hội đồng nhân dân tỉnh giao và so sánh với cùng kỳ).	Hàng tháng	Nội bộ
31	CSDL số liệu giải ngân vốn đầu tư công	Kho bạc Nhà nước	Kho bạc nhà nước khu vực VIII	Tổng số vốn giải ngân đến thời điểm báo cáo	Hàng tháng	Nội bộ
32	CSDL xuất khẩu nông, lâm sản	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê số cơ sở xuất khẩu nông, lâm sản theo từng tháng;	1 lần/ tháng	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				sản lượng nông lâm sản xuất khẩu, giá trị sản phẩm xuất khẩu trên địa bàn tỉnh		
33	CSDL hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê số cuộc kiểm tra, tổng số cơ sở kiểm tra, số vụ vi phạm, tổng số tiền xử phạt vi phạm trên địa bàn tỉnh	1 lần/6 tháng	Công khai
34	CSDL hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê tên đơn vị khai thác, đơn vị được cấp phép, địa chỉ đơn vị được cấp phép	1 lần/6 tháng	Công khai
35	CSDL hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại đô thị và nông thôn (tính tại các xã, phường); Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn được thu gom xử lý; Tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn	1 lần/3 tháng	Công khai
36	CSDL hoạt động thu gom, xử lý chất thải nguy hại và tỷ lệ chất thải y tế	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê Tổng lượng chất thải rắn nguy hại và chất thải y tế phát sinh; Tổng lượng chất thải rắn nguy hại và chất thải y tế được thu gom, xử lý; Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại và chất thải y tế được thu gom, xử lý	1 lần/năm	Công khai
37	CSDL nguồn thải	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê số Giấy phép môi trường; số Quyết định phê duyệt	Khi có thay đổi	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				báo cáo đánh giá tác động môi trường.		
38	CSDL quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê kết quả phân tích về kết quả quan trắc chất lượng môi trường: nước mặt, nước dưới đất, không khí, đất, trầm tích	1 lần/3 tháng	Công khai
39	CSDL cây hàng năm	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê Diện tích; Năng suất; Sản lượng cây lúa, cây ngô, cây rau các loại theo mùa vụ (Vụ đông, vụ xuân, vụ mùa); So sánh cùng kỳ năm trước	1 lần/tháng	Công khai
40	CSDL cây lâu năm	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê diện tích; Sản lượng của một số đối tượng cây trồng (chè, bưởi, cam, chuối); So sánh cùng kỳ năm trước	1 lần/6 tháng	Công khai
41	CSDL mã số vùng trồng	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê mã số vùng trồng (nội địa và xuất khẩu); Tên mã số vùng trồng; thông tin người đại diện; thông tin vùng trồng (loại cây trồng theo mã, số hộ tham gia, diện tích); định dạng mã số vùng trồng; thị trường xuất khẩu; mã số thị trường xuất khẩu	1 lần/tháng	Công khai
42	CSDL mã số cơ sở đóng gói	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê mã số cơ sở đóng gói; Tên cơ sở; địa chỉ; thông tin người đại diện; thông tin về cơ sở (sản phẩm theo mã, diện tích,	1 lần/tháng	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				công suất); định dạng mã số; thị trường xuất khẩu		
43	CSDL đàn vật nuôi	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông kê số lượng đàn vật nuôi (trâu, bò, lợn, gia cầm) 6 tháng đầu năm/ cuối năm; So sánh cùng kỳ năm trước	1 lần/6 tháng	Công khai
44	CSDL sản phẩm chăn nuôi	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông kê Sản lượng thịt hơi các loại; Sản lượng sữa; Sản lượng trứng gia cầm 6 tháng đầu năm/ cuối năm; So sánh cùng kỳ năm trước	1 lần/6 tháng	Công khai
45	CSDL hoạt động sản xuất, nuôi trồng thủy sản	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông kê Diện tích nuôi trồng; Sản lượng nuôi trồng; Số lượng lồng nuôi (trên sông, trên hồ); Sản lượng con giống thủy sản 6 tháng đầu năm/ cuối năm; So sánh cùng kỳ năm trước	1 lần/quý	Công khai
46	CSDL trang trại quy mô lớn	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông kê số cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn 6 tháng đầu năm/ cuối năm; So sánh cùng kỳ năm trước	1 lần/6 tháng	Công khai
47	CSDL cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông kê số cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi 6 tháng đầu năm/ cuối năm; So sánh cùng kỳ năm trước	1 lần/6 tháng	Công khai
48	CSDL Hành nghề thú y	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông kê số cơ sở được cấp Giấy chứng nhận Hành nghề thú	1 lần/tháng	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				y 6 tháng đầu năm/ cuối năm; So sánh cùng kỳ năm trước		
49	CSDL cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y 6 tháng đầu năm/ cuối năm; So sánh cùng kỳ năm trước	1 lần/tháng	Công khai
50	CSDL cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê số cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở, vùng An toàn dịch bệnh động vật 6 tháng đầu năm/ cuối năm; So sánh cùng kỳ năm trước	1 lần/6 tháng	Công khai
51	CSDL kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê số Giấy giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh 6 tháng đầu năm/ cuối năm; So sánh cùng kỳ năm trước	1 lần/tuần	Công khai
52	CSDL rừng trồng mới tập trung	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê diện tích rừng trồng mới tập trung 6 tháng đầu năm/ cuối năm	1 lần/tháng	Công khai
53	CSDL sản lượng gỗ khai thác	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê sản lượng gỗ khai thác theo diện tích	1 lần/tháng	Công khai
54	CSDL diện tích có rừng	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê tổng diện tích có rừng	1 lần/năm	Công khai
55	CSDL tỷ lệ che phủ rừng	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê Tỷ lệ che phủ rừng	1 lần/năm	Công khai
56	CSDL cơ sở giống cây trồng lâm nghiệp	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê số cơ sở giống cây trồng lâm nghiệp	1 lần/năm	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
57	CSDL cơ sở nuôi loài nguy cấp, quý, hiếm; động vật thuộc phụ lục cites	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê số cơ sở nuôi loài nguy cấp, quý, hiếm; động vật thuộc phụ lục cites	1 lần/năm	Công khai
58	CSDL sản phẩm OCOP	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê số lượng sản phẩm OCOP, tên sản phẩm, tên chủ thể, địa chỉ và hạng sao	1 lần/6 tháng	Công khai
59	CSDL làng nghề, nghề truyền thống	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê tên nghề truyền thống, làng nghề, địa chỉ và năm công nhận	1 lần/6 tháng	Công khai
60	CSDL Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê tên hợp tác xã theo địa bàn xã, địa chỉ, người đại diện	1 lần/6 tháng	Công khai
61	CSDL mực nước tại các hồ chứa	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê tên công trình, mực nước dâng bình thường (hoặc thiết kế), mực nước nhỏ nhất (min); mực nước lớn nhất (max)	1 lần/tháng	Công khai
62	CSDL hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê tên tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước; địa chỉ; đơn vị được cấp phép	1 lần/6 tháng	Công khai
63	CSDL Giấy phép hoạt động khoáng sản còn hiệu lực	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê số giấy phép, tên đơn vị được cấp phép, vị trí khu vực khai thác, diện tích khai thác, trữ lượng khai thác, công suất khai thác, thời hạn được cấp phép	1 lần/6 tháng	Công khai
64	CSDL làm sạch dữ liệu đất đai	Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống Kê Tổng Số Trên Toàn Tỉnh; Thống Kê Theo Hiện Trạng; Thông Tin Còn Thiếu; Số Liệu	Hàng ngày	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				Chi Tiết Các Văn Phòng Chi Nhánh; Số Liệu Chi Tiết Xã/ Phường		
65	CSDL Cụm công nghiệp	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên Cụm công nghiệp - Địa chỉ - Trạng thái hoạt động - Chủ đầu tư - Tổng mức đầu tư - Tổng diện tích đất - Diện tích đất công nghiệp	Khi có thay đổi	Công khai
66	CSDL Chợ	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên chợ - Địa chỉ - Phân hạng - Diện tích thửa đất (m2) - Trạng thái - Nguồn vốn	Khi có thay đổi	Công khai
67	CSDL Siêu thị	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên doanh nghiệp - Mã số doanh nghiệp - Địa chỉ doanh nghiệp - Tên siêu thị - Địa chỉ siêu thị - Diện tích kinh doanh - Phân hạng	Khi có thay đổi	Công khai
68	CSDL Trung tâm thương mại	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên Trung tâm thương mại - Địa chỉ Trung tâm thương mại - Tên doanh nghiệp (chủ đầu tư) - Mã số doanh nghiệp - Địa chỉ doanh nghiệp - Diện tích kinh doanh - Phân hạng	Khi có thay đổi	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
69	CSDL Cửa hàng xăng dầu	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên doanh nghiệp - Mã số doanh nghiệp - Địa chỉ doanh nghiệp - Tên cửa hàng - Địa chỉ cửa hàng	Khi có thay đổi	Công khai
70	CSDL Thương nhân đầu mối xăng dầu	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên doanh nghiệp - Mã số doanh nghiệp - Địa chỉ doanh nghiệp	Khi có thay đổi	Công khai
71	CSDL Thương nhân phân phối xăng dầu	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên doanh nghiệp - Mã số doanh nghiệp - Địa chỉ doanh nghiệp	Khi có thay đổi	Công khai
72	CSDL Kho xăng dầu	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên kho - Đơn vị quản lý - Địa điểm - Sức chứa	Khi có thay đổi	Công khai
73	CSDL Trung tâm Logistic	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên doanh nghiệp - Mã số doanh nghiệp - Địa chỉ doanh nghiệp - Tên trung tâm - Địa chỉ trung tâm - Diện tích	Khi có thay đổi	Công khai
74	CSDL Hồ đập công trình thủy điện	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên công trình - Địa chỉ công trình - Tên chủ dự án - Địa chỉ doanh nghiệp	Khi có thay đổi	Công khai
75	CSDL Trạm biến áp 500kV	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên trạm - Địa chỉ - Công suất	Khi có thay đổi	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
76	CSDL Trạm biến áp 220kV	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên trạm - Địa chỉ - Công suất	Khi có thay đổi	Công khai
77	CSDL Trạm biến áp 110kV	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên trạm - Địa chỉ - Công suất	Khi có thay đổi	Công khai
78	CSDL Doanh nghiệp sử dụng năng lượng trọng điểm	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên doanh nghiệp - Địa chỉ doanh nghiệp - Ngành nghề - Tiêu thụ năng lượng (TOE)	Khi có thay đổi	Công khai
79	CSDL Doanh nghiệp sử dụng hóa chất	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên doanh nghiệp - Mã số doanh nghiệp - Địa chỉ doanh nghiệp	Khi có thay đổi	Công khai
80	CSDL Doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh hóa chất	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên doanh nghiệp - Mã số doanh nghiệp - Địa chỉ doanh nghiệp	Khi có thay đổi	Công khai
81	CSDL Doanh nghiệp kinh doanh hóa chất	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên doanh nghiệp - Mã số doanh nghiệp - Địa chỉ doanh nghiệp	Khi có thay đổi	Công khai
82	CSDL Doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	Công Thương	Sở Công Thương	- Tên doanh nghiệp - Mã số doanh nghiệp - Địa chỉ doanh nghiệp - Địa điểm sử dụng - Giấy phép - Tình trạng kho	Khi có thay đổi	Công khai
83	CSDL về giải ngân vốn đầu tư công dự án quản lý cấp tỉnh	Đầu tư công	Sở Tài chính	- Tên dự án - Tổng mức đầu tư - Tổng số vốn giao	Hàng tháng	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Tổng vốn đã giải ngân - Tỷ lệ % giải ngân so với tổng vốn giao - Tỷ lệ % giải ngân so với tổng vốn đã phân bổ		
84	CSDL về dự án đầu tư công	Đầu tư công	Sở Tài chính	- Tên dự án - Tên chủ đầu tư - Nhóm dự án - Địa điểm thực hiện dự án - Thời gian thực hiện dự án - Tổng mức đầu tư, nguồn vốn.	Hàng tháng	Công khai
85	CSDL Báo cáo tình hình Quyết toán dự án hoàn thành	Đầu tư công	Sở Tài chính	- Số thứ tự - Tên dự án - Nhóm Dự án khởi công - hoàn thành - Địa điểm xây dựng - Tổng mức đầu tư, dự toán điều chỉnh lần cuối - Giá trị đề nghị quyết toán - Giá trị quyết toán được phê duyệt - Kinh phí đã được thanh toán đến thời điểm lập báo cáo quyết toán - Chênh lệch tăng, giảm - Công nợ phải thu, phải trả	Hàng tháng	Công khai
86	CSDL về Giải ngân vốn đầu tư công (cấp xã)	Đầu tư công	Sở Tài chính	- Tổng số vốn giao; - Số vốn đã phân bổ chi tiết;	Khi có thay đổi	Liên thông BTC

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Số vốn chưa phân bổ chi tiết; - Số vốn đã giải ngân; - Tỷ lệ % so với số vốn giao; - Tỷ lệ % so với số vốn đã phân bổ chi tiết; - Số vốn còn lại chưa giải ngân		
87	CSDL về đơn vị hành chính sự nghiệp	HCSN	Sở Tài chính	- Tên đơn vị hành chính sự nghiệp; - Đơn vị quản lý trực tiếp; - Số biên chế được giao, số biên chế có mặt; - Kinh phí giao (tự chủ, kinh phí không tự chủ); - Kinh phí thực hiện; - Kinh phí tiết kiệm	Khi có thay đổi	Công Khai
88	CSDL về đơn vị sự nghiệp công lập	Hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính	- Tên đơn vị sự nghiệp công lập; - Đơn vị quản lý trực tiếp; - Số người hưởng lương từ NSNN; - Số người hưởng lương từ nguồn thu; - Số người có mặt; - Kinh phí giao (chi thường xuyên giao tự chủ, chi thường xuyên không giao tự chủ); - Kinh phí thực hiện, nguồn thu sự nghiệp, chi từ nguồn thu sự nghiệp, trích lập quỹ.	Khi có thay đổi	Công Khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
89	CSDL về giá tỉnh Phú Thọ					
89.1	Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính	Quản lý giá	Sở Tài chính	Thu thập thông tin giá một số mặt hàng phổ biến theo quy định, cấu trúc dữ liệu bao gồm: - Mã hàng hóa dịch vụ - Tên hàng hóa, dịch vụ - Đơn vị tính - Loại giá của hàng hóa, dịch vụ. - Giá kỳ trước - Giá kỳ này - Địa bàn - Nguồn thông tin của hàng hóa dịch vụ - Kỳ báo cáo - Thông tin ghi chú của hàng hóa dịch vụ	Định kỳ hàng tháng	Liên thông BTC, Công khai
89.2	Giá hàng hóa dịch vụ do nhà nước định giá	Quản lý giá	Sở Tài chính	Giá các hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá, cấu trúc dữ liệu bao gồm: - Số văn bản ban hành, quy định giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá - Ngày ban hành văn bản - Ngày văn bản bắt đầu có hiệu lực - Ngày văn bản kết thúc hiệu lực - Mã hàng hóa dịch vụ	Trong vòng 30 ngày sau khi ban hành văn bản quy định	Liên thông BTC, Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Tên hàng hóa, dịch vụ - Đơn vị tính - Loại giá hàng hóa - Các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ. - Giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá - Địa bàn - Cơ quan ban hành văn bản - Thông tin ghi chú của hàng hóa dịch vụ		
89.3	Nhóm giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký, kê khai	Quản lý giá	Sở Tài chính	Danh mục các hàng hóa, dịch vụ đăng ký, kê khai, cấu trúc dữ liệu bao gồm: - Loại hồ sơ (đăng ký giá, kê khai giá) - Loại giá là Giá xuất nhập khẩu hay Giá áp dụng trong nước - Mã doanh nghiệp đăng ký giá, kê khai giá - Số công văn đăng ký, kê khai giá của doanh nghiệp - Ngày đăng ký, kê khai giá theo công văn đăng ký giá - Ngày giá đăng ký, kê khai có hiệu lực - Tỷ giá đối với loại giá xuất nhập khẩu	Khi có phát sinh	Liên thông BTC, Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Mã quốc gia xuất/ nhập khẩu. - Mã chi nhánh của doanh nghiệp đăng ký giá, kê khai giá. - Mã kho hàng của doanh nghiệp đăng ký giá, kê khai giá. - Mã tỉnh thành áp dụng giá của doanh nghiệp. - Mã đối tượng áp dụng giá của doanh nghiệp đăng ký giá, kê khai giá. - Mã hình thức thanh toán tương ứng - Loại giá tương ứng trong danh mục Loại giá - Mã hàng hóa dịch vụ đăng ký giá của doanh nghiệp - Các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ. - Đơn vị tính - Mức giá đăng ký, kê khai cũ (nếu có) - Mức giá đăng ký, kê khai mới hoặc đăng ký, kê khai lần đầu - Ghi chú		
89.4	Giá tính lệ phí trước bạ do UBND tỉnh quy định	Quản lý giá	Sở Tài chính	- Mã địa bàn - Số văn bản do UBND tỉnh ban hành - Ngày ban hành văn bản	Khi có phát sinh	Liên thông BTC, Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Ngày bắt đầu hiệu lực - Ngày kết thúc hiệu lực - Mã đơn vị - Danh sách đối tượng tính lệ phí trước bạ chi tiết và giá tính của mỗi đối tượng trong kỳ báo cáo - Mã đối tượng chịu lệ phí trước bạ - Giá tính lệ phí trước bạ - Mã địa bàn tương ứng trong danh mục địa bàn - Mã đối tượng - Tên đối tượng - Mã đơn vị tính tương ứng trong danh mục đơn vị tính - Mã đối tượng cấp cha		
89.5	Dữ liệu giá hàng hóa, dịch vụ khác	Quản lý giá	Sở Tài chính	- Mã hàng hóa, dịch vụ hoặc mã đối tượng - Tên hàng hóa, dịch vụ hoặc tên đối tượng - Mã loại giá - Mã Nguồn dữ liệu - Mã địa bàn - Mã quốc gia - Giá giao dịch kỳ này - Điểm giao dịch - Các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ.	Khi có phát sinh	Liên thông BTC, Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Mã Loại số liệu - Mã kỳ báo cáo chi tiết - Mã kỳ báo cáo chi tiết - Năm của kỳ dữ liệu - Số văn bản hành quy định về giá - Ngày ban hành văn bản - Ngày văn bản bắt đầu có hiệu lực		
90	CSDL Quyết toán thu NSNN	Quyết toán ngân sách	Sở Tài chính	- Cấp; Nhóm; Tiểu nhóm; Mục; Tiểu mục - Nội dung - Số quyết toán NSNN; - Ngân sách cấp tỉnh; - Ngân sách cấp xã.	Hàng năm	Liên thông BTC
91	CSDL Quyết toán chi NSDP	Quyết toán ngân sách	Sở Tài chính	Cấp; Chương; Loại; Khoản; Mục; Tiểu mục; Nội dung; Số Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh; ngân sách cấp xã.	Hàng năm	Liên thông BTC
92	CSDL thực hiện Dự toán thu NSNN	Công khai ngân sách	Sở Tài chính	- Thực hiện thu theo lĩnh vực trong kỳ; - Lũy kế thực hiện từ đầu năm	Theo quý, 6 tháng, năm	Công khai
93	CSDL thực hiện dự toán chi Ngân sách tỉnh; xã	Công khai ngân sách	Sở Tài chính	- Thực hiện chi theo lĩnh vực trong kỳ; - Lũy kế thực hiện từ đầu năm.	Theo quý, 6 tháng, năm	Công khai
94	CSDL Công khai Dự toán trình HĐND	Công khai ngân sách	Sở Tài chính	- Tên báo cáo; - Năm báo cáo; - Biểu mẫu;	Hàng năm	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Số báo cáo/ văn bản công bố; - Ngày công khai.		
95	CSDL Công khai Dự toán được HĐND Quyết định	Công khai ngân sách	Sở Tài chính	- Tên báo cáo; - Năm báo cáo; - Biểu mẫu; - Số quyết định/ văn bản công bố; - Ngày công khai.	Hàng năm	Công khai
96	CSDL Công khai Quyết toán ngân sách	Công khai ngân sách	Sở Tài chính	Nghị quyết được HĐND tỉnh phê chuẩn Quyết toán	Hàng năm	Công khai
97	CSDL xúc tiến đầu tư	Dự án trong nước và FDI	Sở Tài chính	- Tên dự án - Địa điểm thực hiện - Hiện trạng đất đai - Thông tin các quy hoạch đã phê duyệt - Mục tiêu của dự án - Quy mô đầu tư - Diện tích sử dụng đất dự kiến hoặc diện tích nhà xưởng sử dụng - Tổng vốn đầu tư dự kiến - Hình thức đầu tư dự kiến - Thông tin đặc thù từng dự án - Cơ quan đầu mối liên hệ cung cấp thông tin	Hàng tháng	Công khai
98	CSDL về đăng ký doanh nghiệp	Đăng ký kinh doanh	Sở Tài chính	- Số doanh nghiệp thành lập mới - Số vốn đăng ký - Số doanh nghiệp đã giải thể - Số doanh nghiệp tạm ngừng	Khi có thay đổi	Liên thông BTC

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				hoạt động - Số doanh nghiệp hoạt động trở lại - Số doanh nghiệp đang hoạt động		
99	CSDL về Liên hiệp Hợp tác xã (LHHTX), Hợp tác xã (HTX)	Đăng ký kinh doanh	Sở Tài chính	- Số LHHTX, HTX thành lập mới - Số LHHTX, HTX đã giải thể - Số LHHTX, HTX tạm ngừng hoạt động - Số LHHTX, HTX hoạt động trở lại - Số LHHTX, HTX đang hoạt động	Khi có thay đổi	Liên thông BTC
100	CSDL thông tin doanh nghiệp, Liên hiệp Hợp tác xã, Hợp tác xã	Đăng ký kinh doanh	Sở Tài chính	- Tên doanh nghiệp, Liên hiệp Hợp tác xã, Hợp tác xã - Mã số thuế - Địa chỉ - Người đại diện pháp luật	Khi có thay đổi	Liên thông BTC
101	CSDL về Dự án đầu tư ngoài ngân sách của Nhà đầu tư trong nước	Tài chính (Đầu tư ngoài ngân sách)	Sở Tài chính	- Số Văn bản và ngày tháng của cơ quan quyết định. - Tên nhà đầu tư. - Tên dự án đầu tư. - Mục tiêu/Quy mô dự án. - Tổng vốn đầu tư. Thời hạn hoạt động của dự án. - Địa điểm thực hiện dự án. - Tiến độ thực hiện dự án được phê duyệt.	Khi có thay đổi, điều chỉnh	Công khai, liên thông BTC

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Tình trạng hoạt động của dự án. - Kết quả thực hiện (theo Báo cáo định kỳ của Nhà đầu tư).		
102	CSDL tình hình sắp xếp nhà, đất dôi dư	Quản lý công sản	Sở Tài chính	Thông tin dữ liệu theo dõi, tổng hợp tình hình sắp xếp nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, bao gồm: - Địa chỉ nhà, đất dôi dư; - Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trước khi dôi dư; - Diện tích đất dôi dư (m2); - Nguyên giá đất (đồng); - Diện tích sàn xây dựng nhà dôi dư (m2); - Giá trị nhà dôi dư (gồm: Nguyên giá nhà (đồng); Giá trị còn lại nhà (đồng) (không bắt buộc); - Trạng thái trước xử lý.	Cập nhật khi có phát sinh và báo cáo định kỳ	Liên thông Bộ Tài chính, Công khai
103	CSDL tổng kiểm kê tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Quản lý tài sản công	Sở Tài chính	Thông tin dữ liệu tổng kiểm kê tài sản cố định tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (phục vụ lập báo cáo kiểm kê theo quyết định và theo dõi tình hình sử dụng tài sản), bao gồm: - Loại tài sản;	Cập nhật khi có phát sinh và báo cáo định kỳ	Liên thông Bộ Tài chính, Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Mã tài sản; - Tên tài sản; - Năm đưa vào sử dụng; - Chỉ tiêu về số lượng (gồm: Đơn vị tính; Theo sổ kế toán; Theo thực tế kiểm kê; Chênh lệch); - Chỉ tiêu về hiện vật (gồm: Đơn vị tính; Theo sổ kế toán; Theo thực tế kiểm kê; Chênh lệch); - Chỉ tiêu về giá trị - Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo (đồng) - Vị trí của tài sản - Tình hình hạch toán & Tình trạng của tài sản; - Ghi chú.		
104	CSDL tổng kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	Quản lý tài sản công	Sở Tài chính	Thông tin biên bản kiểm kê của 19 nhóm tài sản công phục vụ tổng kiểm kê, bao gồm: - Tên biên bản kiểm kê (ứng với từng nhóm tài sản); - Đơn vị kiểm kê & Ngày kiểm kê; - Thành viên tổ kiểm kê (gồm: Tổ trưởng; Tổ phó; Tổ viên; chức vụ); - Danh mục tài sản kiểm kê chi tiết theo từng nhóm;	Cập nhật khi có phát sinh và báo cáo định kỳ	Liên thông Bộ Tài chính, Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Số liệu kiểm kê chi tiết (gồm: Số lượng; Hiện vật; Giá trị; Tình trạng hạch toán; Tình trạng tài sản); - Chữ ký xác nhận của thành viên tổ kiểm kê.		
105	CSDL tiến độ kiểm kê tài sản công	Quản lý tài sản công	Sở Tài chính	Thông tin dữ liệu báo cáo tiến độ kiểm kê, thành lập Ban chỉ đạo, ban hành Kế hoạch và kết quả thực hiện báo cáo tại các đơn vị, bao gồm: - Mã đơn vị & Tên đơn vị báo cáo; - Tiến độ thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê ; - Tiến độ ban hành Kế hoạch kiểm kê; - Tiến độ tập huấn, triển khai; - Tiến độ thực hiện gửi báo cáo kết quả kiểm kê.	Cập nhật định kỳ theo đợt kiểm kê	Liên thông Bộ Tài chính, Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
106	CSDL báo cáo kết quả kiểm kê tài sản công	Quản lý tài sản công	Sở Tài chính	Thông tin tổng hợp báo cáo kết quả kiểm kê tài sản công phục vụ gửi, duyệt, khóa và kết xuất báo cáo, bao gồm: - Báo cáo đơn vị - Báo cáo tổng hợp theo Loại hình đơn vị (LHĐV); - Báo cáo tổng hợp chung; - Báo cáo tài sản chưa xác định giá trị; - Báo cáo tài sản đã xác định giá trị; - Trạng thái báo cáo; - Yêu cầu mở khóa báo cáo.	Cập nhật định kỳ theo đợt kiểm kê	Liên thông Bộ Tài chính, Công khai
107	CSDL giám định tư pháp	Tư pháp	Sở Tư pháp	<i>* Đối với tổ chức:</i> - Tên tổ chức - Quyết định thành lập - Địa chỉ tổ chức - Lĩnh vực chuyên môn - Số năm kinh nghiệm <i>* Đối với cá nhân:</i> - Họ và tên - Ngày, tháng, năm sinh - Đơn vị công tác - Ngày tháng công nhận - Lĩnh vực giám định - Số năm kinh nghiệm	Khi có thay đổi	Công khai
108	CSDL đấu giá tài sản	Tư pháp	Sở Tư pháp	- Tên doanh nghiệp	Khi có thay	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Số quyết định/ Giấy đăng ký hoạt động - Địa chỉ hoạt động - Năm hoạt động - Người đại diện của tổ chức/ đơn vị - Họ tên đấu giá viên - Tổ chức hành nghề đấu giá - Số thẻ đấu giá viên - Ngày quyết định	đôi	
109	CSDL Chương trình phát triển nhà ở	Xây dựng	Sở Xây dựng	Chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh là văn bản định hướng chiến lược dài hạn do UBND cấp tỉnh xây dựng và phê duyệt nhằm quản lý, thúc đẩy thị trường và quỹ nhà ở tại địa phương	Định kỳ theo quý	Công khai
110	CSDL Kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh	Xây dựng	Sở Xây dựng	Kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh là văn bản quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm cụ thể hóa chương trình phát triển nhà ở địa phương	Định kỳ theo quý	Công khai
111	CSDL Thông tin, dữ liệu về dự án nhà ở xã hội	Xây dựng	Sở Xây dựng	Danh sách, thông tin về các dự án nhà ở xã hội đang triển khai trên địa bàn tỉnh	Định kỳ theo quý	Công khai
112	CSDL Danh sách các tổ chức kinh doanh dịch vụ bất động sản	Xây dựng	Sở Xây dựng	Danh sách các sàn giao dịch bất động sản, các tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản được cấp phép trong kỳ báo cáo	Định kỳ theo quý	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
113	CSDL Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Xây dựng	Sở Xây dựng	Danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trong kỳ báo cáo	Định kỳ theo quý	Công khai
114	CSDL về phát triển đô thị	Xây dựng	Sở Xây dựng	Dữ liệu về đô thị, chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị và các chỉ tiêu báo cáo phát triển đô thị cấp tỉnh/thành phố, đô thị và phường trên địa bàn tỉnh	Định kỳ hàng tháng	Công khai
115	CSDL cấp nước sạch và thoát nước đô thị	Xây dựng	Sở Xây dựng	- Dữ liệu về doanh nghiệp cấp nước, công suất thiết kế/vận hành nhà máy nước, sản lượng, tỷ lệ thất thoát, giá nước, tỷ lệ dân số được cấp nước qua hệ thống tập trung. - Dữ liệu về nhà máy xử lý nước thải: tên, địa chỉ, tọa độ, công suất thiết kế/vận hành, phạm vi thu gom, tỷ lệ dân số được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải, giá dịch vụ thoát nước	Theo biến động thực tế; làm sạch định kỳ tối thiểu 1 lần/tháng	Công khai
116	CSDL Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Quản lý an toàn trong thi công xây dựng	Xây dựng	Sở Xây dựng	Thông tin công trình xây dựng, sự cố công trình xây dựng, đánh giá an toàn công trình, quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng và tổ chức, hoạt động giám định tư pháp	Định kỳ theo năm	Công khai
117	CSDL Quản lý Phòng thí	Xây dựng	Sở Xây dựng	Điều kiện cơ sở vật chất, máy	Định kỳ theo	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
	nghiệm chuyên ngành và trạm thí nghiệm			móc, thiết bị thí nghiệm; năng lực và hiện trạng hoạt động theo thông tin tự công bố của các phòng TN/trạm thí nghiệm	năm	
118	CSDL giá vật liệu xây dựng	Xây dựng	Sở Xây dựng	Công bố giá vật liệu xây dựng địa phương.	Khi có thay đổi	Công khai
119	CSDL về cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đào tạo lái xe	Sở Xây dựng	Thông tin về giáo viên dạy thực hành lái xe và việc cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, phục vụ công tác quản lý đào tạo lái xe.	Định kỳ hằng năm	Công khai
120	CSDL dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng	Xây dựng	Sở Xây dựng	Cơ sở dữ liệu (CSDL) về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng là hệ thống dữ liệu số chuyên ngành, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, lưu trữ toàn bộ thông tin từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện cho đến khi hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng	Liên tục	Công khai
121	CSDL về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông	Kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Xây dựng	Dữ liệu cơ sở về hệ thống đường bộ và các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý, gồm: tuyến, đoạn tuyến, lý trình, chiều dài, cấp đường, kết cấu mặt đường, cầu, cống, hệ thống an toàn giao thông và các tài sản liên quan.	Cập nhật khi có biến động, đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, điều chuyển hoặc thay đổi hiện	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
					trạng tài sản	
122	CSDL Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Xây dựng	Sở Xây dựng	Báo cáo thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập; Mã TTHC: 1.014155	Định kỳ hàng tháng	Công khai
123	CSDL Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Xây dựng	Sở Xây dựng	Quyết định Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập Mã TTHC: 1.014156	Định kỳ hàng tháng	Công khai
124	CSDL Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Xây dựng	Sở Xây dựng	Báo cáo Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập Mã TTHC: 1.014157	Định kỳ hàng tháng	Công khai
125	CSDL Phê duyệt quy hoạch, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Xây dựng	Sở Xây dựng	Quyết định Phê duyệt quy hoạch, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập Mã TTHC: 1.014158	Định kỳ hàng tháng	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
126	CSDL Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Xây dựng	Sở Xây dựng	Dữ liệu về các đồ án quy hoạch đã được ban hành Mã TTHC: 1.014159	Theo biến động thực tế khi có yêu cầu cung cấp	Công khai
127	CSDL Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)	Thống kê Kinh tế - xã hội	Thống kê tỉnh	- Tốc độ tăng trưởng GRDP (theo 3 nhóm ngành, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm); - Quy mô GRDP theo giá hiện hành; cơ cấu kinh tế	Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công khai
128	CSDL Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Thống kê Kinh tế - xã hội	Thống kê tỉnh	Diện tích, năng suất, sản lượng; tổng đàn gia súc, gia cầm; sản lượng thủy sản; sản lượng gỗ khai thác	Mùa vụ, 6 tháng, năm	Công khai
129	CSDL Công nghiệp	Thống kê Kinh tế - xã hội	Thống kê tỉnh	Chỉ số sản xuất công nghiệp, Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công khai
130	CSDL Thương mại, dịch vụ	Thống kê Kinh tế - xã hội	Thống kê tỉnh	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng; Doanh thu vận tải; sản lượng vận chuyển/luân chuyển hàng hóa/hành khách	Tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công khai
131	CSDL Chỉ số giá	Thống kê Kinh tế - xã hội	Thống kê tỉnh	Chỉ số giá tiêu dùng; chỉ số giá vàng, đô la Mỹ	Tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công khai
132	CSDL Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Thống kê Kinh tế - xã hội	Thống kê tỉnh	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công khai
133	CSDL Di sản văn hóa (di tích, di sản văn hóa phi vật thể)	Di sản văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thông tin quản lý tổng thể về di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa phi	Khi có thay đổi (xếp hạng, ghi danh, công	Nội bộ

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				vật thể, hiện vật, bảo vật quốc gia, nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú và di sản tư liệu; bao gồm thông tin định danh, tên gọi, phân loại loại hình, hồ sơ pháp lý xếp hạng, công nhận hoặc ghi danh, địa điểm, tọa độ vị trí, chủ thể nắm giữ, đơn vị quản lý trực tiếp, nơi lưu giữ, niên đại, tình trạng bảo tồn và liên kết hồ sơ tư liệu số hóa.	nhận mới); rà soát hằng năm	
134	CSDL cơ sở lưu trú du lịch; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành; khu, điểm du lịch	Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thông tin quản lý nhà nước về hệ thống hạ tầng điểm đến, cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú, doanh nghiệp lữ hành và đội ngũ hướng dẫn viên du lịch; bao gồm thông tin định danh, tên gọi, vị trí địa lý, cấp công nhận khu, điểm du lịch, loại hình và xếp hạng sao cơ sở lưu trú, giấy phép kinh doanh lữ hành, người đại diện theo pháp luật, tình hình ký quỹ, thông tin thẻ hành nghề hướng dẫn viên và trạng thái hoạt động.	Khi có thay đổi (cấp mới, thu hồi, điều chỉnh giấy phép, xếp hạng); rà soát hằng năm	Nội bộ
135	CSDL lễ hội, sự kiện văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch	Văn hóa - Thể thao - Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thông tin quản lý và theo dõi các lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa và các sự kiện ngành tổ chức	Lễ hội: hằng năm theo mùa lễ hội; sự	Nội bộ

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				trên địa bàn tỉnh; bao gồm thông tin định danh, tên gọi, loại hình, cấp quy mô tổ chức, thời gian diễn ra theo âm lịch hoặc dương lịch, địa điểm tổ chức, cơ quan chủ trì, hình thức quản lý đăng ký hoặc thông báo, số lượt người tham dự và tình trạng tổ chức.	kiện: khi có kế hoạch tổ chức hoặc có thay đổi	
136	CSDL văn hóa các dân tộc Việt Nam tại tỉnh Phú Thọ	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thông tin thống kê và bảo tồn các giá trị di sản văn hóa đặc trưng của các thành phần dân tộc trên địa bàn tỉnh; bao gồm tên gọi, mã dân tộc theo danh mục quốc gia, địa bàn cư trú phân bố theo xã, số liệu thống kê dân số, tình hình sử dụng tiếng nói, chữ viết truyền thống, các loại hình văn hóa đặc trưng về trang phục, ẩm thực, kiến trúc, nghề thủ công, tri thức dân gian và tư liệu số hóa liên quan.	Hàng năm	Công khai
137	CSDL hạ tầng về thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao	Văn hóa - Thể thao - Thông tin	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thông tin quản lý mạng lưới thiết chế văn hóa cơ sở, cơ sở công trình thể thao và hệ thống thông tin, truyền thông cơ sở từ cấp tỉnh đến thôn, bản; bao gồm thông tin định danh, tên gọi, loại hình, cấp quản lý, địa bàn phân	Khi có thay đổi về thiết chế, công trình (đầu tư mới, nâng cấp, giải thể); rà soát hàng năm	Nội bộ

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				bộ của các trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, bảo tàng, thư viện, nhà hát, sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi, cùng công nghệ truyền dẫn, số cụm loa và tình trạng hoạt động của đài truyền thanh cấp xã.		
138	CSDL thành tích thể thao	Thể dục thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thông tin quản lý nhân lực thể thao thành tích cao, thể thao phong trào và kết quả tổ chức các giải thi đấu thể thao; bao gồm lý lịch nghiệp vụ, môn chuyên sâu, cấp độ chuyên môn và đơn vị quản lý của vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao, hồ sơ theo dõi y tế và sức khỏe vận động viên, cùng thông tin các giải đấu, kết quả xếp hạng, số lượng và loại huy chương đạt được.	Sau mỗi giải thi đấu; khi có thay đổi nhân lực thể thao; rà soát hằng năm	Nội bộ
139	CSDL Danh sách di sản văn hóa, lễ hội, sự kiện văn hóa - thể thao - du lịch	Văn hóa - Thể thao - Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tập hợp dữ liệu đã được làm sạch, loại bỏ thông tin quản lý nội bộ và dữ liệu cá nhân, công bố công khai dưới định dạng máy đọc được phục vụ tra cứu thông tin về tên gọi, loại hình, cấp xếp hạng, địa điểm, tọa độ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam	Hằng năm	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				thắng cảnh, di sản văn hóa phi vật thể, cùng thông tin thời gian, địa điểm, đơn vị tổ chức các lễ hội và sự kiện tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.		
140	CSDL Danh sách cơ sở lưu trú du lịch; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành; khu, điểm du lịch	Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tập hợp dữ liệu công bố công khai dưới định dạng máy đọc được phục vụ người dân, du khách và doanh nghiệp tra cứu thông tin dịch vụ về tên gọi, vị trí, cấp công nhận các khu, điểm du lịch, tên, địa chỉ, loại hình, hạng công nhận các cơ sở lưu trú du lịch, cùng tên, mã số doanh nghiệp, loại hình và giấy phép hoạt động của các đơn vị kinh doanh dịch vụ lữ hành trên địa bàn tỉnh.	Hàng năm	Công khai
141	CSDL báo chí, truyền thông	Báo chí - Truyền thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Số liệu tổng hợp về hoạt động thông tin, tuyên truyền phản ánh hình ảnh tỉnh Phú Thọ trên các cơ quan báo chí; bao gồm số lượng tin, bài tuyên truyền về tỉnh trên báo chí Trung ương, số lượng tin, bài trên báo chí địa phương, phân loại tin, bài tỷ lệ tin, bài tích cực về tỉnh; kèm theo kỳ tổng hợp, cơ quan báo	Hàng tháng; tổng hợp theo quý và năm	Nội bộ

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				chỉ đăng tải và lĩnh vực phản ánh.		
142	CSDL thống kê hoạt động du lịch	Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Số liệu thống kê kết quả hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh theo kỳ báo cáo; bao gồm tổng lượt khách du lịch, trong đó tách riêng khách quốc tế và khách nội địa, tổng lượt khách lưu trú, tổng số ngày khách, tổng thu từ khách du lịch.	Hàng tháng; tổng hợp theo quý và năm	Công khai
143	CSDL hành nghề y, dược tư nhân	Y tế	Sở Y tế	1. Thông tin Hành nghề Y: - Tên cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân - Loại hình cơ sở hoạt động - Số giường bệnh nội trú/ngoại trú - Số Giấy phép hoạt động (GPHĐ), ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn hiệu lực, tình trạng hoạt động (đang hoạt động, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép). - Địa chỉ hoạt động - Tổng số Danh mục kỹ thuật được thực hiện 2. Thông tin Hành nghề Dược: - Tên cơ sở kinh doanh dược - Loại hình cơ sở hoạt động - Số Giấy phép hoạt động, chứng	Hàng tháng hoặc Khi có sự thay đổi	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				chỉ hành nghề, ngày cấp, nơi cấp - Địa chỉ hoạt động		
144	CSDL nhân lực y tế địa phương	Y tế	Sở Y tế	1. Chỉ tiêu định hướng chiến lược theo dân số: - Số bác sĩ trên 10.000 dân. - Số dược sĩ đại học trên 10.000 dân. - Số điều dưỡng/nữ hộ sinh/kỹ thuật viên trên 10.000 dân. - Tổng số nhân lực y tế (bao gồm cả y tế công lập và tư nhân) tính trên 10.000 dân. 2. Chỉ tiêu phân bổ theo tuyến y tế: 2.1. Tuyến tỉnh (Bệnh viện đa khoa/chuyên khoa tỉnh, Trung tâm kiểm soát bệnh tật - CDC): Tỷ lệ cơ cấu nhân lực theo hạng bệnh viện. 2.2. Tuyến huyện (Trung tâm Y tế khu vực, Bệnh viện đa khoa khu vực): Số lượng bác sĩ/dược sĩ tính bình quân trên một trung tâm y tế. 2.3. Tuyến xã (Trạm Y tế xã/phường): - Tỷ lệ Trạm Y tế có bác sĩ cơ hữu làm việc.	Hàng tháng hoặc Khi có sự thay đổi	Nội bộ

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Tỷ lệ Trạm Y tế có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi. - Tỷ lệ thôn/bản có nhân viên y tế thôn bản hoặc cô đỡ thôn bản hoạt động.		
145	CSDL trang thiết bị y tế (tại các cơ sở công lập)	Y tế	Sở Y tế	1. Thông tin định danh thiết bị: Tên trang thiết bị (theo danh mục chuẩn của Bộ Y tế), mã tài sản công, model/ký mã hiệu, số sê-ri (serial number), hãng sản xuất, nước sản xuất, năm sản xuất, đơn vị sử dụng. 2. Thông tin pháp lý và lưu hành: Số giấy phép nhập khẩu, số lưu hành hoặc số giấy công bố tiêu chuẩn áp dụng tại Việt Nam; mức độ rủi ro của thiết bị (Loại A, B, C, D theo quy định).	Hàng năm hoặc Khi có sự thay đổi	
146	CSDL an toàn thực phẩm (Cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm)	Y tế	Sở Y tế	1. Thông tin định danh chung: Tên cơ sở (tên doanh nghiệp hoặc tên hộ kinh doanh), mã số thuế/mã định danh cơ sở, địa chỉ chi tiết (thôn/xã, huyện/thị, tọa độ địa lý GPS để lập bản đồ quản lý); số điện thoại, email (nếu có). 2. Phân loại hình thức kinh	Hàng tháng hoặc khi có sự thay đổi	

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				doanh thực phẩm: - Dịch vụ ăn uống: Nhà hàng, quán ăn, căn tin trường học, bếp ăn tập thể (khu công nghiệp, cơ quan, bệnh viện). - Kinh doanh thức ăn đường phố: Các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, hàng rong cố định hoặc di động. - Sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ / thuộc thẩm quyền ngành Y tế: Cơ sở nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm, phụ gia thực phẩm. 3. Thông tin giấy phép hoạt động: Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn hiệu lực) hoặc bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với cơ sở nhỏ lẻ).		
147	CSDL kết luận thanh tra	Thanh tra	Thanh tra tỉnh	- Kết luận thanh tra: Số, ký hiệu kết luận; ngày ban hành; người ký; tên kết luận; nội dung chính; phạm vi, đối tượng và thời kỳ thanh tra. - Kết quả thực hiện kết luận	Khi phát sinh kết luận và kết quả thực hiện; rà soát, chuẩn hóa định kỳ hằng quý/năm	Chia sẻ, kết nối với Kho dữ liệu tỉnh và các hệ thống thông tin dùng chung theo thẩm quyền,

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				thanh tra: Đã thực hiện; Đang thực hiện; Chưa thực hiện (nếu quá hạn)		phạm vi dữ liệu và quy định về bảo vệ bí mật nhà nước
148	CSDL Quản lý các khu công nghiệp	Quản lý các khu công nghiệp	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Cung cấp: - Tên các KCN, địa điểm, diện tích - Tên dự án đầu tư trong KCN - Ngành nghề, lĩnh vực đầu tư - Quy mô dự án - Tổng số vốn - Tiến độ thực hiện - Diện tích đất sử dụng - Hệ thống xử lý nước thải - Tổng số lao động - Các dữ liệu thông tin khác	Hàng ngày	Công khai
149	CSDL công tác Dân tộc	Dân tộc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	- Tổng số thành phần dân tộc trên địa bàn tỉnh; - Số lượng người đồng bào theo từng thành phần dân tộc; - Số xã Khu vực I; - Số xã khu vực II; - Số xã khu vực 3; - Tổng số thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; - Tổng số thôn đặc biệt khó khăn; - Tổng số hộ nghèo trong vùng	Thường xuyên theo quý, 06 tháng, 01 năm	Chia sẻ theo quy định; công khai một phần

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; - Tổng số hộ cận nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; - Tổng số người uy tín trên địa bàn tỉnh; - Tổng số xã, phường có người uy tín; - Số người uy tín tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh;		
150	CSDL phiên họp UBND tỉnh	Chính quyền số	Văn phòng UBND tỉnh	Thông tin các phiên họp UBND tỉnh (loại họp, thời gian, nội dung, tài liệu, thành phần tham dự)	Khi có phát sinh	Nội bộ
151	CSDL văn bản phục vụ chỉ đạo, điều hành	Chính quyền số	Văn phòng UBND tỉnh	- Loại văn bản - Số văn bản - Trích yếu - Người ký - Ngày ban hành - Văn bản đính kèm	Khi có thay đổi	Nội bộ
152	CSDL Công báo xếp số có ký số điện tử	Công bố văn bản	Văn phòng UBND tỉnh	- Loại văn bản - Số văn bản - Trích yếu - Người ký - Ngày ban hành - Văn bản ký số đính kèm	Theo số công báo	Công khai
153	CSDL Công báo điện tử	Công bố văn	Văn phòng	- Loại văn bản	Hàng ngày	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
	tỉnh Phú Thọ	bản	UBND tỉnh	- Số văn bản - Trích yếu - Người ký - Ngày ban hành - Văn bản đính kèm		
154	CSDL tin bài cổng thông tin điện tử	Cổng thông tin	Văn phòng UBND tỉnh	- Tiêu đề bài viết - Danh mục - Tóm tắt - Nội dung bài - Ảnh đại diện - Tập tin đính kèm - Tác giả - Ngày ban hành	Hàng ngày	Công khai
155	CSDL Nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên nhiệm vụ - Tổ chức chủ trì - Chủ nhiệm nhiệm vụ - Kinh phí thực hiện - Tổ chức phối hợp - Mục tiêu nhiệm vụ - Nội dung nhiệm vụ - Sản phẩm của nhiệm vụ - Kết quả ứng dụng hoặc thương mại hóa	Hàng quý	Công khai
156	CSDL Tổ chức khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên tổ chức - Đơn đăng ký - Lý lịch khoa học người đứng đầu - Địa chỉ trụ sở chính	6 tháng/năm	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Lĩnh vực hoạt động - Loại hình tổ chức - Danh sách nhân lực - Kê khai cơ sở vật chất - Báo cáo tình hình hoạt động KHCN		
157	CSDL Bài báo khoa học được công bố trên tạp trí khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Nhan đề - Tác giả, nhóm tác giả - Địa chỉ công bố - Nhiệm vụ liên quan	Hàng quý	Công khai
158	CSDL Doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tổng số doanh nghiệp khoa học và công nghệ - Tổng doanh thu của các doanh nghiệp khoa học và công nghệ	6 tháng; năm	Nội bộ
159	CSDL Doanh nghiệp công nghệ cao	Công nghệ cao	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tổng số doanh nghiệp công nghệ cao - Tổng doanh thu của các doanh nghiệp CNC	6 tháng; năm	Nội bộ
160	CSDL Trung tâm/Tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo	Đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng số trung tâm/tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo	6 tháng; năm	Công khai
161	CSDL Hợp đồng chuyển giao công nghệ	Chuyển giao công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tổng số hợp đồng chuyển giao công nghệ - Số hợp đồng chuyển giao công nghệ trong nước - Số hợp đồng chuyển giao công nghệ có yếu tố nước ngoài	Quý, năm	Nội bộ
162	CSDL Đánh giá trình độ công nghệ	Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tổng số doanh nghiệp đã được đánh giá trình độ, năng lực công	6 tháng; năm	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				nghệ - Số doanh nghiệp được đánh giá theo lĩnh vực, ngành nghề		
163	CSDL Công nghệ chiến lược	Công nghệ chiến lược	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên công nghệ chiến lược nghiên cứu ứng dụng - Lĩnh vực công nghệ của công nghệ chiến lược - Mức độ ưu tiên	6 tháng; năm	Công khai
164	CSDL Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	- Điểm Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) - Thứ hạng PII của tỉnh trong toàn quốc	Năm	Công khai
165	CSDL Bài toán khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Bài toán lớn)	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	- Số lượng - Tên bài toán khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	6 tháng; năm	Công khai
166	CSDL Điểm đánh giá mức độ chuyên đổi số (DTI) của các cơ quan, địa phương trong tỉnh	Chính quyền số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên đơn vị; - Điểm “Chính quyền số”; - Điểm “Kinh tế số”; - Điểm “Xã hội số”; - Điểm “Nhân lực số”.	Năm	Công khai
167	CSDL Văn bản đến, văn bản đi của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh	Chính quyền số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Số lượng văn bản đến; - Số lượng Văn bản đến điện tử có ký số; - Số lượng văn bản đi; - Số lượng Văn bản đi có ký số.	Thường xuyên	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
168	CSDL Chứng thư số chuyên dùng công vụ	Chính quyền số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Số lượng chữ ký số tổ chức; - Số lượng chữ ký số cá nhân; - Tên cơ quan, đơn vị; - Số lượng chữ ký số cá nhân là lãnh đạo, quản lý.	Tháng	Công khai
169	CSDL Quản lý hệ thống thông tin của tỉnh	Hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên Hệ thống thông tin (HTTT); - Đơn vị chủ quản/vận hành; - Nơi cài đặt; - Cấp độ an toàn thông tin; - Hình thức sao lưu, dự phòng.	Tháng	Công khai
170	CSDL Giám sát Trung tâm dữ liệu tỉnh	Hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sự cố về hạ tầng; - Sự cố về ATTT; - Thời điểm xảy ra sự cố; - Thời gian gián đoạn.	Tháng	Công khai
171	CSDL Giám sát trực LGSP tỉnh	Hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên HTTT kết nối qua LGSP; - Có phát sinh giao dịch; - Số lượng API/dịch vụ chia sẻ/kết nối; - Số lượng giao dịch; - Trạng thái kết nối giao dịch	Tháng	Công khai
172	CSDL Doanh nghiệp công nghệ số	Kinh tế số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên doanh nghiệp công nghệ số; - Mã số doanh nghiệp; - Doanh thu; - Nộp ngân sách.	Năm	Công khai
173	CSDL Tổ công nghệ số cộng đồng	Xã hội số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên thành viên; - Chức vụ trong tổ;	Tháng hoặc khi có sự thay	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Tên tổ; - Khu/thôn/xóm; - Xã/phường.	đôi	
174	CSDL Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số	Nhân lực số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Họ tên; - Trình độ đào tạo; - Ngành nghề đào tạo; - Vị trí việc làm được phân công.	Quý hoặc khi có sự thay đổi	Công khai
175	CSDL Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức	Nhân lực số	Sở Khoa học và Công nghệ	Danh sách các lớp do TW, tỉnh, cơ quan, đơn vị tổ chức; số lượng lãnh đạo cơ quan, đơn vị tham gia; số lượng cán bộ, công chức, viên chức giữ không giữ chức vụ tham gia - Tên lớp; - Cơ quan, đơn vị tổ chức; - Thời gian tổ chức; - Số lượng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tham gia; - Số lượng cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ tham gia	Quý	Công khai
176	CSDL Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về AI cho cán bộ, công chức, viên chức	Nhân lực số	Sở Khoa học và Công nghệ	Danh sách các lớp do TW, tỉnh, cơ quan, đơn vị tổ chức; số lượng lãnh đạo cơ quan, đơn vị tham gia; số lượng cán bộ, công chức, viên chức giữ không giữ chức vụ tham gia	Quý	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Tên lớp; - Cơ quan, đơn vị tổ chức; - Thời gian tổ chức; - Số lượng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tham gia; - Số lượng cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ tham gia		
177	CSDL Doanh thu viễn thông	Viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh thu của các doanh nghiệp viễn thông: - Viễn thông Phú Thọ; - Viettel Phú Thọ; - Mobifone Phú Thọ; - FPT Phú Thọ; - VTVcap Phú Thọ; - Công ty SCTV Chi nhánh Phú Thọ	Hàng quý	Công khai trong các cơ quan nhà nước
178	CSDL Thuê bao viễn thông	Viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	- Số liệu thuê bao điện thoại di động; - Số liệu thuê bao điện thoại cố định; - Số liệu thuê bao Internet băng rộng di động; - Số liệu thuê bao Internet băng rộng cố định;	Hàng quý	Công khai trong các cơ quan nhà nước
179	CSDL Hạ tầng viễn thông	Viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng số trạm BTS, trong đó: - Trạm 2G;	Hàng quý	Công khai trong các cơ quan nhà

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Trạm 3G; - Trạm 4G; - Trạm 5G.		nước
180	CSDL Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động (2G, 3G, 4G, 5G)	Viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng số dân trên địa bàn tỉnh được phủ sóng di động	Hàng quý	Công khai
181	CSDL Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động 5G	Viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng số dân trên địa bàn tỉnh được phủ sóng di động mạng 5G	Hàng quý	Công khai
182	CSDL Doanh thu bưu chính	Bưu chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh thu của các doanh nghiệp bưu chính: - Bưu điện tỉnh Phú Thọ; - Bưu chính Viettel Phú Thọ; - Giao hàng tiết kiệm; - Doanh nghiệp khác.	Hàng quý	Công khai trong các cơ quan nhà nước
183	CSDL Số điểm phục vụ bưu chính	Bưu chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng số điểm phục vụ bưu chính, trong đó: - Bưu điện tỉnh Phú Thọ; - Bưu chính Viettel Phú Thọ; - Giao hàng tiết kiệm; - Doanh nghiệp khác.	Hàng quý	Công khai
184	CSDL Đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Số lượng Đơn đăng ký nhãn hiệu - Số lượng Đơn đăng ký sáng chế - Số lượng Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp - Số lượng Đơn đăng ký chỉ dẫn	6 tháng/năm	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				địa lý - Số lượng Đơn đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn		
185	CSDL Cấp văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Số lượng Giấy chứng nhận (GCN) đăng ký nhãn hiệu - Số lượng Bằng bảo hộ độc quyền sáng chế - Số lượng Bằng bảo hộ độc quyền kiểu dáng công nghiệp - Số lượng Giấy chứng nhận (GCN) đăng ký chỉ dẫn địa lý - Số lượng Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	6 tháng/năm	Công khai
186	CSDL Đăng ký quốc tế về sở hữu công nghiệp có nguồn gốc Việt Nam (trên địa bàn tỉnh Phú Thọ)	Sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Số lượng Đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên - Số lượng Đơn đăng ký quốc tế sáng chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên - Số lượng Đơn đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên - Số lượng Đơn đăng ký quốc tế chỉ dẫn địa lý theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành	Năm	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				viên - Số lượng Đơn đăng ký quốc tế thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên		
187	CSDL Cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (đăng ký quốc tế) cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trên địa bàn tỉnh Phú Thọ)	Sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Số lượng Giấy chứng nhận (GCN) đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên - Số lượng Bằng bảo hộ độc quyền sáng chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên - Số lượng Bằng bảo hộ độc quyền kiểu dáng công nghiệp theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên - Số lượng Giấy chứng nhận (GCN) đăng ký quốc tế chỉ dẫn địa lý theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên - Số lượng Giấy chứng nhận (GCN) đăng ký quốc tế thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	Năm	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
188	CSDL Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp được tiếp nhận và xử lý trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng số hợp đồng được chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp. Trong đó: - Đối tượng nhãn hiệu - Đối tượng sáng chế - Đối tượng quyền kiểu dáng công nghiệp - Đối tượng quyền khác	Năm	Công khai
189	CSDL Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được tiếp nhận và xử lý trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng số hợp đồng sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp. Trong đó: - Đối tượng nhãn hiệu - Đối tượng sáng chế - Đối tượng quyền kiểu dáng công nghiệp - Đối tượng quyền khác	Năm	Công khai
190	CSDL Cấp giấy phép an toàn bức xạ được cấp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	Sở Khoa học và Công nghệ	- Số lượng Giấy phép tiến hành công việc bức xạ được cấp. Trong đó: + Sử dụng trong y tế + Sử dụng trong công nghiệp - Số lượng Chứng chỉ nhân viên bức xạ được cấp	Năm	Công khai
191	CSDL Thủ tục hành chính lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên thủ tục - Mã Thủ tục - Loại thủ tục - Đơn vị thực hiện - Lĩnh vực	Hàng tháng	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
				- Thời gian thực hiện		
192	CSDL Doanh nghiệp đạt giải thưởng chất lượng quốc gia	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên doanh nghiệp - Địa chỉ - Loại hình doanh nghiệp - Lĩnh vực hoạt động - Năm đạt giải - Loại hình giải thưởng	Hàng năm	Công khai
193	CSDL Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo chuẩn đo lường	Đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên tổ chức - Địa chỉ - Quyết định chỉ định - Lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn, phương tiện đo chuẩn đo lường	Hàng tháng	Công khai
194	CSDL Phương tiện đo nhóm 2 được được kiểm định	Đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên đơn vị sử dụng - Địa chỉ - Số lượng phương tiện đo - Ngày kiểm định - Hạn kiểm định	Hàng tháng	Công khai
195	CSDL Chuẩn đo lường được chứng nhận	Đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường - Ngày ban hành - Tên tổ chức - Địa chỉ	Hàng tháng	Công khai
196	CSDL Kiểm định viên	Đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ	- Họ và tên kiểm định viên - Số thẻ - Tên tổ chức - Địa chỉ - Lĩnh vực	Hàng tháng	Công khai
197	CSDL Tổ chức được chỉ định hoạt động kiểm định	Đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên tổ chức - Địa chỉ	Hàng tháng	Công khai

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Lĩnh vực	Đơn vị quản lý, vận hành	Mô tả dữ liệu	Tần xuất cập nhật	Khả năng chia sẻ
	đối chứng			- Lĩnh vực chỉ định - Quyết định chỉ định - Thời hạn hiệu lực		
198	CSDL Dữ liệu nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc Kế hoạch hỗ trợ nâng cao NSCL	Khoa học công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tên nhiệm vụ - Mục tiêu nhiệm vụ - Cơ quan chủ trì - Chủ nhiệm nhiệm vụ - Thời gian thực hiện - Danh sách sản phẩm của nhiệm vụ	Hàng tháng	Công khai